

Hải Phòng, ngày 29 tháng 07 năm 2026  
Haiphong, July 29th, 2026

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**  
**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**  
**6 tháng đầu năm 2026**  
*Semi-annual report of 2026*

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.  
**To:** - *The State Securities Commission;*  
- *Hanoi Stock Exchange.*

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG XANH VIP  
*Company's name: VIP GREENPORT JOINT STOCK COMPANY*
- Địa chỉ trụ sở chính: Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.  
*Head Office address: Dinh Vu – Cat Hai Economic Zone, Dong Hai Ward, Hai Phong city, Viet Nam.*
- Điện thoại/Tel: 0225.8830.333 Fax: 0225.8830688 Email: info@vipgreenport.com.vn
- Vốn điều lệ: 822.249.590.000 đồng  
*Charter capital: 822.249.590.000 VND*
- Mã chứng khoán: VGR  
*Stock code: VGR*
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.  
*Governance model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Inspection Committee, and Director.*
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện  
*The implementation of internal audit: Not yet implemented.*

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)/ Activities of the General Meeting of Shareholders (GMS):**

Trong 6 tháng đầu năm 2026, ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP đã có những hoạt động sau:  
*During the semi-annual period of 2026, the GMS of VIP Greenport Joint Stock Company conducted the following activities:*

- ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP họp ngày 27 tháng 03 năm 2026 tại Hội trường tầng 3 – Tòa nhà điều hành – CTCP Cảng Xanh VIP – Khu kinh tế Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng.



The Annual General Meeting of Shareholders 2026 of VIP Greenport Joint Stock Company was held on March 27, 2026, at the 3rd Floor Hall – Administration Building – VIP Greenport Joint Stock Company – Dinh Vu – Cat Hai Economic Zone, Dong Hai Ward, Hai Phong City.

DHĐCĐ đã thông qua nghị quyết như sau:

The GMS adopted the following resolution(s):

| STT/<br>No. | Số Nghị quyết/Quyết<br>định<br>Resolution/Decision<br>No. | Ngày/<br>Date | Nội dung/ Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-------------|-----------------------------------------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | 01/2026/NQ-DHĐCĐ                                          | 27/03/2026    | <p><b>Điều 1.</b> Thông qua toàn văn các Báo cáo sau:</p> <p><b>Article 1.</b> Approval of the full texts of the following reports:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025.<br/><i>Report on the activities of the Board of Directors in 2025.</i></li> <li>Báo cáo đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025.<br/><i>The independent member's assessment report on the performance of the Board of Directors in 2025.</i></li> <li>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2026.<br/><i>Report on the 2025 business results and the 2026 business plan.</i></li> <li>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025.<br/><i>Report on the activities of the Inspection Committee in 2025.</i></li> </ol> <p><b>Điều 2.</b> Thông qua Báo cáo tài chính (“BCTC”) năm 2025 đã được kiểm toán, các chỉ tiêu cơ bản của BCTC như sau:</p> <p><b>Article 2.</b> Approval of the audited Financial Statements for 2025, key financial indicators for 2025 are as follows:<br/>Toàn văn Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường link: <a href="http://www.vipgreenport.com.vn">www.vipgreenport.com.vn</a> (Mục: Thông tin cổ đông; Tiểu mục: Tin cổ đông)<br/><i>The full text of the 2025 Audited Financial Statements is available on the Company's official website: <a href="http://www.vipgreenport.com.vn">www.vipgreenport.com.vn</a> (Section: Shareholders Information; Subsection: Shareholder News)</i></p> <p><b>Điều 3.</b> Thông qua Tờ trình số: 02/2026/VGR/TT-HĐQT ngày 06/03/2026 của Hội đồng quản trị về phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 như sau:</p> |

**Article 3.** *Approval of Proposal No. 02/2026/VGR/TT-BOD dated March 6, 2026 of the Board of Directors regarding the 2025 profit distribution plan as follows:*

**Điều 4.** Thông qua Tờ trình số: 03/2026/VGR/TT-HĐQT ngày 06/03/2026 của Hội đồng quản trị về kế hoạch kinh doanh năm 2026 và dự kiến mức cổ tức năm 2026 như sau:

**Article 4.** *Approval of Proposal No. 03/2026/VGR/TT-HĐQT dated March 6, 2026 of the Board of Directors regarding the 2025 profit distribution plan as follows:*

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2026/2026 *Business Plan:*

- Doanh thu/Revenue: 1,021,590,000,000 đồng/VND
- Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax: 371 tỷ đồng/billion VND

2. Dự kiến mức cổ tức năm 2026/*Expected Dividend for 2026:*

Dự kiến mức cổ tức năm 2026/ *Expected dividend for 2026:*  
Không thấp hơn 20% vốn điều lệ/ *No less than 20% of charter capital.*

**Điều 5.** Thông qua Tờ trình số: 04/2026/VGR/TT-BKS ngày 06/03/2026 của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như sau:

**Article 5.** *Approval of Proposal No. 04/2026/VGR/TT-BKS dated March 6, 2026 of the Inspection Committee regarding the Selection of an Independent Audit Firm)*

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào chất lượng dịch vụ và mức phí kiểm toán, tiến hành lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập (có uy tín được phép hoạt động tại Việt Nam, theo danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2026) để thực hiện các hoạt động kiểm toán của Công ty. Thời gian thực hiện kiểm toán: Kể từ khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đến ngày diễn ra Đại hội đồng cổ đông thường niên 2027.

*The General Meeting of Shareholders authorizes the Board of Directors to select an independent audit firm based on service quality and audit fees. The selected firm must be reputable, authorized to operate in Vietnam, and approved by the State Securities Commission to audit public-interest entities in the securities sector for 2026. Audit*

period: From the date of the Annual General Meeting of Shareholders 2026 to the date of the Annual General Meeting of Shareholders 2027.

**Điều 6.** Thông qua Tờ trình số: 05/2026/VGR/TT-HĐQT ngày 06/03/2026 của Hội đồng quản trị về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch, thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

**Article 6.** Approval of Proposal No. 05/2026/VGR/TT-HĐQT dated March 6, 2026 of the Board of Directors regarding the approval of Contracts and Transactions within the Authority of the General Meeting of Shareholders

**Điều 7.** Thông qua Tờ trình số: 06/2026/VGR/TT-HĐQT ngày 06/03/2026 của Hội đồng quản trị về việc hủy đăng ký giao dịch tại UpCoM và đăng ký niêm yết cổ phiếu VGR tại Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh cụ thể như sau:

**Article 7.** Approval of Proposal No. 06/2026/VGR/TT-HĐQT dated March 6, 2026 of the Board of Directors regarding the deregistration of trading on UPCoM and listing of VGR shares on the Ho Chi Minh Stock Exchange as follows:

**Điều 8.** Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 như sau:

**Article 8.** Approval of the dismissal from the position of member of the Board of Directors and the election of additional members of the Board of Directors of VIP Greenport Joint Stock Company for the 2022–2027 term as follows:

1. Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 đối với ông Ngô Vĩnh Tuấn theo nguyện vọng cá nhân.

*Approval of the dismissal of Mr. Ngô Vĩnh Tuấn from his position as a member of the Board of Directors for the 2022-2027 term for personal reasons.*

2. Thông qua danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022 - 2027.

*Approval of the list of candidates for the Board of Directors as announced at the General Meeting of Shareholders for the additional election of members of the Board of Directors of the Company for the 2022–2027 term.*

|  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  | <p>3. Thông qua việc bầu bổ sung bà Trương Anh Thư làm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Càng Xanh VIP nhiệm kỳ 2022-2027.</p> <p><i>Approval of the election of Mrs. Trương Anh Thư as an additional member of the Board of Directors for the 2022-2027 term.</i></p> |
|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng)/ Board of Directors (Semi-annual report)

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ Information about the members of the Board of Directors (BOD):

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 ngày 14/04/2022 đã bầu ra Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022-2027 gồm 05 thành viên.

*At the Annual GMS held on April 14, 2022, the BOD for the 2022–2027 term was elected, consisting of 05 members.*

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 ngày 27/03/2026 đã thông qua các nội dung sau:

*At the Annual GMS held on March 27, 2026, the following matters were approved:*

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với thành viên:

*Dismissal of the following member from the Board of Directors:*

- Ông/Mr Ngô Vĩnh Tuấn;

- Bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT:

*Election of the following 01 (two) additional member to the Board of Directors:*

- Bà/Ms. Trương Anh Thư.

| STT/<br>No. | Thành viên HĐQT/<br>Board of Directors' members | Chức vụ/ Position                             | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/<br>HĐQT độc lập<br><i>The date becoming/ceasing to be the member of<br/>the Board of Directors</i> |                                       |
|-------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|             |                                                 |                                               | Ngày bổ nhiệm/<br>Date of appointment                                                                                                         | Ngày miễn nhiệm/<br>Date of dismissal |
| 1           | Ông/Mr. Tạ Công Thông                           | Chủ tịch<br>HĐQT/Chairman<br>of the BOD       | Tái trúng cử ngày/Re-elected on<br>14/04/2022<br>Được bầu làm Chủ tịch HĐQT<br>ngày/ Appointed as Chairman of<br>the BOD on 14/08/2024        |                                       |
| 2           | Ông/Mr. Nguyễn Kim Dương<br>Khôi                | TV HĐQT,<br>Giám đốc/ BOD<br>Member, Director | Trúng cử ngày/Elected on<br>14/03/2024                                                                                                        |                                       |
| 3           | Ông/Mr. Chang Yen-I                             | TV HĐQT/ BOD<br>Member                        | Tái trúng cử ngày/Re-elected on<br>14/04/2022                                                                                                 |                                       |
| 4           | Ông/Mr. Nguyễn Đức Thành                        | TV HĐQT/ BOD<br>Member                        | Trúng cử ngày/Elected on<br>21/03/2025                                                                                                        |                                       |
| 5           | Bà/ Ms. Trương Anh Thư                          | TV HĐQT/ BOD<br>Member                        | Trúng cử ngày/Elected on<br>27/03/2026                                                                                                        |                                       |

|   |                       |                                         |                                     |                                         |
|---|-----------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------|
| 6 | Ông/Mr. Ngô Vĩnh Tuấn | TV HĐQT độc lập/ BOD Independent Member | Trúng cử ngày/Elected on 21/03/2025 | Miễn nhiệm ngày/Dismissed on 27/03/2026 |
|---|-----------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------|

## 2. Các cuộc họp HĐQT/ Meetings of the Board of Directors:

| STT/<br>No. | Thành viên HĐQT/<br>Board of Director' member | Số buổi họp HĐQT<br>tham dự/<br>Number of meetings<br>attended by Board of<br>Directors | Tỷ lệ tham dự họp/<br>Attendance rate | Lý do không tham dự họp/<br>Reasons for absence                     |
|-------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 1.          | Ông/ Mr. Tạ Công Thông                        | 7                                                                                       | 100%                                  |                                                                     |
| 2.          | Ông/ Mr. Chang Yen-I                          | 7                                                                                       | 100%                                  |                                                                     |
| 3.          | Ông/ Mr. Nguyễn Kim Dương Khôi                | 7                                                                                       | 100%                                  |                                                                     |
| 4.          | Ông/ Mr. Nguyễn Đức Thành                     | 7                                                                                       | 100%                                  |                                                                     |
| 5.          | Bà/ Ms. Trương Anh Thư                        | 3                                                                                       | 42,86%                                | Bổ nhiệm ngày/ Appointed on 27/03/2026                              |
| 6.          | Ông/ Mr. Ngô Vĩnh Tuấn                        | 2                                                                                       | 28,57%                                | Có đơn từ nhiệm TV HĐQT<br>đề ngày Resignation letter on 14/02/2025 |

## 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/ Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

- HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- The BOD supervises the implementation of resolutions, business plans, and investment plans approved by the BOD and the GMS.
- Giám sát các hoạt động điều hành của Giám đốc để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Oversees the management activities of the General Director to ensure the Company's operations are safe, legally compliant, and aligned with the resolutions adopted by the GMS.
- Giám sát công tác điều hành quản lý, tái cơ cấu tổ chức hoạt động, chuyển đổi mô hình hoạt động trong toàn hệ thống Công ty.
- Monitors the management and administration, organizational restructuring, and transformation of the operational model across the entire Company system.

## 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT/ Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):

Thư ký HĐQT thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT giao.

The BOD Secretary performs tasks as assigned by the BOD and the Chairman of the BOD.

## 5. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT (Báo cáo 6 tháng)/ Resolutions/Decisions of the BOD (Semi-Annual report):

| STT/<br>No.                                  | Số Nghị quyết/<br>Quyết định<br>Resolution/Decision<br>No. | Ngày/Date  | Nội dung/Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Tỷ lệ thông qua/<br>Approval rate |
|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| <b>A. Số Nghị quyết HĐQT/Resolutions No.</b> |                                                            |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                   |
| 1                                            | 01/2026/NQ-HĐQT                                            | 03/02/2026 | <p>Thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2026, cụ thể như sau:<br/> <i>Approval of the organization of the Company's 2026 Annual General Meeting of Shareholders, specifically as follows:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ thực hiện: 1 cổ phiếu – 1 quyền biểu quyết<br/> <i>Exercise ratio: 01 share – 01 voting right</i></li> <li>- Thời gian tổ chức: Dự kiến tháng 03/2026<br/> <i>Time of meeting: Expected in March 2026</i></li> <li>- Địa điểm tổ chức Đại hội: Sẽ thông báo sau<br/> <i>Meeting venue: To be announced</i></li> <li>- Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự họp: 24/02/2026<br/> <i>Record date for exercising the right to attend the meeting: 24 February 2026</i></li> <li>- Nội dung thông qua của Đại hội:<br/> <i>Matters to be approved at the Meeting:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025.<br/> <i>Report on the activities of the Board of Directors in 2025.</i></li> <li>+ Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.<br/> <i>Report on the activities of the Inspection Committee in 2025.</i></li> <li>+ Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2025, kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2026.<br/> <i>Report on the 2025 business performance and the business plan for 2026.</i></li> <li>+ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025.<br/> <i>Audited financial statements for 2025.</i></li> <li>+ Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.<br/> <i>Other matters under the authority of the General Meeting of Shareholders.</i></li> </ul> </li> </ul> | 100%                              |
| 2                                            | 02/2026/NQ-HĐQT                                            | 06/03/2026 | <p>Thông qua bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần Cảng Xanh VIP.<br/> <i>(Các tài liệu đính kèm)</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 100%                              |

|   |                 |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |     |
|---|-----------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|   |                 |            | <p><i>Approval of materials for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of VIP Greenport Joint Stock Company.</i><br/>(Materials attached)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |     |
| 3 | 03/2026/NQ-HĐQT | 11/03/2026 | <p>Điều 1/ <i>Article 1</i>: Thông qua việc tiếp nhận Đơn từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Xanh VIP nhiệm kỳ 2022-2027 của ông Ngô Vĩnh Tuấn đề ngày 06/03/2026. Thời gian từ nhiệm: kể từ ngày được ĐHĐCD chấp thuận. Việc miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT của ông Ngô Vĩnh Tuấn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty sẽ được trình ĐHĐCD thường niên năm 2026 thông qua theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p> <p><i>Approving the receipt of Mr. Ngo Vinh Tuan's resignation letter from the position of member of the Board of Directors, term 2022-2027 of VIP Greenport Joint Stock Company on 06/03/2026; Time of resignation: immediately after being approved by the Company's General Meeting of Shareholders. The dismissal of Mr. Ngô Vĩnh Tuấn from his position as a member of the Board of Directors and the election of an additional member of the Board of Directors of the Company shall be submitted to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders for approval in accordance with the applicable laws and the Company's Charter.</i></p> <p>Điều 2/ <i>Article 2</i>: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số tài liệu họp ĐHĐCD thường niên năm 2026 liên quan đến nội dung nêu tại Điều 1 như sau:<br/><i>Approval of the amendment and supplementation of certain materials for the 2026 Annual General Meeting of Shareholders relating to the matters set out in Article 1 as follows:</i></p> <p>*Bổ sung các tài liệu:<br/><i>Supplementation of materials as follows:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>– Thông báo bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027.<br/><i>Notice of additional election of a member of the Board of Directors term 2022-2027.</i></li> <li>– Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027.<br/><i>Regulations on the election of the Board of Directors members term 2022-2027.</i></li> <li>– Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP nhiệm kỳ 2022 – 2027.</li> </ul> | 80% |

|   |                 |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|---|-----------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|   |                 |            | <p><i>Proposal for the approval of the dismissal from the position of member of the Board of Directors and the election of additional members of the Board of Directors of VIP Greenport Joint Stock Company for the 2022–2027 term</i></p> <p>– Mẫu phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027.<br/><i>Election Ballot for Board of Directors' member term 2022-2027.</i></p> <p>*Sửa đổi các tài liệu:<br/><i>Amendment of materials as follows:</i></p> <p>– Chương trình họp<br/><i>Meeting Agenda</i></p> <p>– Mẫu phiếu biểu quyết nội dung.<br/><i>Voting Ballot.</i></p> <p>– Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026.<br/><i>Draft Resolution of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.</i></p>                                                                                                                                               |      |
| 4 | 04/2026/NQ-HĐQT | 23/03/2026 | <p><u>Điều 1/ Article 1:</u> Thông qua danh sách các ứng cử viên để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP nhiệm kỳ 2022-2027.<br/><i>Approval of the list of candidates for the additional election of a member of the Board of Directors of VIP Greenport Joint Stock Company for the 2022–2027 term.</i><br/>(Danh sách ứng cử viên đính kèm/ <i>Attached list of candidates</i>)</p> <p><u>Điều 2/Article 2:</u> Danh sách các ứng cử viên có tên nêu tại Điều 1 sẽ được Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua theo đúng quy định Pháp luật và Điều lệ công ty.<br/><i>The list of candidates specified in Article 1 shall be submitted by the Board of Directors to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders for approval in accordance with applicable laws and the Company's Charter.</i></p> | 80%  |
| 5 | 05/2026/NQ-HĐQT | 27/03/2026 | <p><u>Điều 1/ Article 1:</u> Thông qua việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2025 bằng tiền cho các cổ đông, cụ thể như sau:<br/><i>Approval of the second cash dividend payment for 2025 to shareholders, with details as follows:</i></p> <p>- Tỷ lệ thực hiện: 35% mệnh giá cổ phiếu (1 cổ phiếu được nhận 3.500 đồng);<br/><i>Payment rate: 35% of the par value per share (equivalent to VND 3,500 per share);</i></p> <p>- Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức: 09/04/2026;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 100% |

|   |                 |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|---|-----------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|   |                 |            | <p>Record date for the right to receive dividends: 09/04/2026;</p> <p>- Ngày thanh toán: 17/04/2026.</p> <p>Payment date: 17/04/2026.</p> <p>Điều 2/ Article 2: Giao và ủy quyền cho Giám đốc Công ty chỉ đạo hoàn tất các thủ tục cần thiết, thực hiện việc chi trả cổ tức theo đúng quy định hiện hành.</p> <p>To assign and authorize the Company's Director to direct and complete all necessary procedures and to make the dividend payment in accordance with current regulations.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
| 6 | 06/2026/NQ-HĐQT | 06/05/2026 | <p>Điều 1/ Article 1: Thông qua việc điều chỉnh quy mô dự án và điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP, đồng thời giao và ủy quyền cho Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện các thủ tục cần thiết theo đúng quy định pháp luật hiện hành, với nội dung điều chỉnh cụ thể như sau:</p> <p>Approval of the adjustment to the project scale and the amendment to the Investment Registration Certificate of VIP Greenport Joint Stock Company, and to assign and authorize the Company's Director to carry out all necessary procedures in accordance with applicable laws, with the detailed amendments as follows:</p> <p>Nội dung điều chỉnh: Quy mô dự án</p> <p>Amended content: Project scale</p> <p>- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư:</p> <p>Content currently stipulated in the Investment Registration Certificate:</p> <p>+ Xây dựng hai bến liên bờ có chiều dài 380m có thể tiếp nhận tàu container tải trọng đến 30.000 DWT (giảm tải)</p> <p>+ Construction of two alongside berths with a total length of 380 meters, capable of accommodating container vessels up to 30,000 DWT (light-loaded condition)</p> <p>- Nay đăng ký sửa thành:</p> <p>Proposed amendment:</p> <p>+ Xây dựng hai bến liên bờ có chiều dài 380m có thể tiếp nhận tàu container tải trọng đến 55.000 DWT (giảm tải).</p> <p>+ Construction of two alongside berths with a total length of 380 meters, capable of accommodating container vessels up to 55,000 DWT (light-loaded condition)</p> | 100% |



|                                              |                 |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                       |
|----------------------------------------------|-----------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
|                                              |                 |            | <p>- Lý do điều chỉnh: Để phù hợp với Quyết định 683/QĐ-CHHDTVN ngày 08/04/2026 về việc Phê duyệt phương án Bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu có trọng tải đến 55.000 DWT giảm tải vào, rời Bến cảng container VIP Greenport của Cục Hàng Hải và Đường thủy Việt Nam.</p> <p>- Reason for amendment: To comply with Decision No. 683/QĐ-CHHDTVN dated 08 April 2026 issued by the Vietnam Maritime and Inland Waterways Administration approving the Maritime Safety Assurance Plan for vessels up to 55,000 DWT (light-loaded condition) entering and leaving VIP Greenport Container Terminal.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                       |
| 7                                            | 07/2026/NQ-HĐQT | 29/06/2026 | <p>Điều 1/ Article 1: Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam là công ty kiểm toán độc lập để thực hiện soát xét Báo cáo tài chính năm 2026 (bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30/06/2026, Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2026) của Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP.</p> <p>Approval of the selection of Deloitte Vietnam Audit Co., Ltd as independent auditing firm to perform the review of the 2026 financial statements (including the mid-year financial statements for the accounting period ending on 30 June 2026 and the financial statements for the fiscal year 2026) of VIP Greenport Joint Stock Company.</p> <p>Điều 2/ Article 2: Giao cho Giám đốc Công ty chỉ đạo hoàn tất các thủ tục cần thiết và triển khai việc ký kết Hợp đồng kiểm toán theo đúng các quy định hiện hành.</p> <p>Assign the Company's Director to complete the necessary procedures in accordance with regulations and the signing of the audit contract.</p> | 100%                  |
| <b>B. Các Quyết định HĐQT/ Decisions No.</b> |                 |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>Ghi chú/ Notes</b> |
| 1                                            | 01/2026/QĐ-HĐQT | 01/04/2026 | <p>Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tính đến hết 31.12.2025 của Công ty cổ phần Cảng Xanh VIP số tiền là: 10.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ đồng).</p> <p>Allocation to the Welfare and Bonus Fund from the undistributed after-tax profit as of December 31, 2025, of VIP Greenport Joint Stock Company, with</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                       |

|   |                 |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                     |
|---|-----------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
|   |                 |            | an amount of VND 10,000,000,000 (In words: Ten billion Vietnamese dong).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                     |
| 2 | 02/2026/QĐ-HĐQT | 01/04/2026 | <p>Thường HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty số tiền là: 3,725,000,000 đồng (Bằng chữ: Ba tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu đồng), có danh sách kèm theo.</p> <p>The Board of Directors, the Inspection Committee, and the Company Secretary shall be granted a bonus amounting to VND 3,725,000,000 (In words: Three billion seven hundred twenty-five million), as detailed in the attached list.</p> |                                                                                     |
| 3 | 03/2026/QĐ-HĐQT | 01/04/2026 | <p>Thường Ban điều hành Công ty số tiền là: 2,084,000,000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ không trăm tám mươi bốn triệu đồng), có danh sách kèm theo.</p> <p>The Executive Board shall be granted a bonus amounting to VND 2,084,000,000 (In words: Two billion eighty-four million), as detailed in the attached list.</p>                                                                                      |  |

### III. Ban kiểm soát (Báo cáo 6 tháng)/ Inspection Committee (Semi-Annual report):

#### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/ Information about members of Inspection Committee (IC)

Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP ngày 14/04/2022 đã bầu BKS nhiệm kỳ 2022-2027 gồm 3 thành viên

At the Annual GMS of VIP Greenport Joint Stock Company held on April 14, 2022, the IC for the 2022–2027 term was elected, consisting of 03 members.

Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 gồm:

The members of the Inspection Committee (IC) for the 2022–2027 term are as follows:

| STT/<br>No. | Thành viên BKS/ Members<br>of Inspection Committee | Chức vụ/<br>Position                | Ngày bắt đầu/không còn là thành<br>viên BKS/ The date<br>becoming/ceasing to be the<br>member of the Inspection<br>Committee | Trình độ chuyên môn/<br>Qualification                                                                                 |
|-------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | Ông/Mr. Phạm Thanh Tuấn                            | Trưởng<br>BKS/<br>Head of<br>the IC | Trúng cử ngày/Elected on<br>21/03/2025                                                                                       | Tài chính Ngân hàng,<br>Quản trị Tài chính kế toán/<br>Finance and Banking,<br>Financial and Accounting<br>Management |
| 2           | Ông/Mr. Trương Lý Thế Anh                          | Thành<br>viên/<br>Member            | Tái trúng cử ngày/Re-elected on<br>14/04/2022                                                                                | Kế toán/ Accounting                                                                                                   |
| 3           | Ông/Mr. Wu, Kuang-Hui                              | Thành<br>viên/<br>Member            | Tái trúng cử ngày/Re-elected on<br>14/04/2022                                                                                | Kế toán/ Accounting                                                                                                   |

#### 2. Cuộc họp của BKS/ Meetings of the IC

| STT/<br>No. | Thành viên BKS/ <i>Members of<br/>Inspection Committee</i> | Số buổi họp<br>tham dự/<br><i>Number of<br/>meetings<br/>attended</i> | Tỷ lệ tham<br>dự họp/<br><i>Attendance<br/>rate</i> | Tỷ lệ biểu<br>quyết/ <i>Voting<br/>rate</i> | Lý do không tham dự<br>họp/ <i>Voting rate</i> |
|-------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 2           | Ông/Mr. Phạm Thanh Tuấn                                    | 1                                                                     | 100%                                                | 100%                                        |                                                |
| 2           | Ông/Mr. Trương Lý Thế Anh                                  | 1                                                                     | 100%                                                | 100%                                        |                                                |
| 3           | Ông/Mr. Wu Kuang-Hui                                       | 1                                                                     | 100%                                                | 100%                                        |                                                |

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/ *Supervising the BOD, Board of Management and shareholders by Inspection Committee:*

- Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông theo đúng các quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

*The IC shall oversee the activities of the BOD, the Board of Management, and the shareholders in accordance with the provisions of the Law on Enterprises and the Company's Charter.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the IC, the Board of Management, BOD and other managers:*

Thường xuyên có sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

*There is regular coordination between the IC and the activities of the BOD, the Board of Management and other management staff.*

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có)/ *Other activities of the IC (if any):*

#### IV. Ban điều hành/ *Board of Management*

| STT/<br>No. | Thành viên Ban điều hành/<br><i>Members of Board of Management</i> | Ngày tháng<br>năm sinh/<br><i>Date of<br/>birth</i> | Trình độ chuyên môn/<br><i>Qualification</i>                                                       | Ngày bổ nhiệm/ miễn<br>nhiệm thành viên Ban<br>điều hành<br><i>Date of appointment/<br/>dismissal of members<br/>of the Board of<br/>Management</i>                                                |
|-------------|--------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1           | Ông/Mr. Nguyễn Kim Dương Khôi                                      | 03/05/1977                                          | Kỹ sư/ <i>Engineer</i>                                                                             | Miễn nhiệm chức vụ<br>Phó Giám đốc đồng<br>thời bổ nhiệm chức vụ<br>Giám đốc ngày/<br><i>Dismissed from the<br/>position of Deputy<br/>Director and appointed<br/>as Director on</i><br>12/08/2024 |
| 2           | Ông/Mr. Tạ Duy Hoàng                                               | 22/08/1978                                          | Kỹ sư điều khiển tàu biển; Kỹ<br>sư chuyên ngành kinh tế vận tải<br>biển/ <i>Marine Navigation</i> | Bổ nhiệm chức vụ Phó<br>Giám đốc ngày/<br><i>Appointed as Deputy<br/>Director on</i> 12/08/2024                                                                                                    |

|  |  |  |                                                       |  |
|--|--|--|-------------------------------------------------------|--|
|  |  |  | Engineer; Engineer in Maritime<br>Transport Economics |  |
|--|--|--|-------------------------------------------------------|--|

**V. Kế toán trưởng/ Chief Accountant**

| Họ và tên/ Name                | Ngày, tháng, năm sinh/ Date of birth | Trình độ chuyên môn/ Qualification                              | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm/ Date of appointment/ dismissal |
|--------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| Bà/ Mrs. Nguyễn Thị Thùy Dương | 30/11/1987                           | Quản trị tài chính kế toán/ Financial and Accounting Management | Tái bổ nhiệm ngày/ Re-appointed on 04/05/2022             |

**VI. Đào tạo về quản trị công ty/ Training courses on corporate governance:** Không/ None

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty / The list of affiliated persons of the public company (Semi-Annual report and transactions of affiliated persons of the Company)**

**1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ The list of affiliated persons of the Company**  
(Vui lòng xem danh sách đính kèm/Please refer to the attached list.)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons:  
(Vui lòng xem danh sách đính kèm/Please refer to the attached list.)

**2. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power:**  
Không/ None

**3. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ Transactions between the Company and other objects:**  
Không/ None

**4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/ Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Inspection Committee, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).**

**4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Inspection Committee, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).**

**4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác. / Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Inspection Committee, Director (General Director) and other managers.**

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng)/ Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report)**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *The list of internal persons and their affiliated persons*  
(Vui lòng xem danh sách đính kèm/Please refer to the attached list.)
2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*: Không/ *None*

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/ *Other significant issues*:** Không/ *None*

**Nơi nhận/Recipients:**

- UBCK NN/SSC
- Sở GDCK HN/HNX
- Lưu/Archived: TCTH, Thư ký  
HĐQT/BOD Secretary

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** *A*

**CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu/Sign, full name and seal)



**DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY**  
**THE LIST OF AFFILIATED PERSONS OF THE COMPANY**

(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị 06 tháng đầu năm 2026/Attached to the Semi-Annual Report of 2026)

| STT<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/individual | Tài khoản<br>giao dịch<br>chứng khoán<br>(nếu có)<br>Securities<br>trading<br>account<br>(if<br>any) | Chức vụ tại<br>công ty (nếu<br>có)<br>Position at the<br>Company (if<br>any) | Số Giấy NSH*,<br>ngày cấp, nơi cấp<br>NSH No. *, date of<br>issue, place of<br>issue | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address | Thời điểm bắt<br>đầu là người<br>có liên quan<br>Time of<br>starting to be<br>affiliated<br>person                                                                 | Thời<br>điểm<br>không<br>còn là<br>người có<br>liên quan<br>Time of<br>ending to<br>be<br>affiliated<br>person | Lý do<br>Reasons | Mối quan<br>hệ liên<br>quan với<br>công<br>ty/Relation<br>ship with<br>the<br>Company |
|------------|-----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.         | Tạ Công Thông                                             |                                                                                                      | Chủ tịch<br>HĐQT/<br>Chairman of the<br>BOD                                  |                                                                                      |                                                     | Tái cử TV<br>HĐQT ngày/<br>Re-elected as<br>BOD<br>Member on<br>14/04/2022;<br>Bầu làm CT<br>HĐQT ngày/<br>Appointed as<br>Chairman of<br>the BOD on<br>14/08/2024 |                                                                                                                |                  | NNB/<br>Internal<br>person                                                            |
| 2.         | Chang, Yen – I                                            |                                                                                                      | TV HĐQT/<br>BOD Member                                                       |                                                                                      |                                                     | Tái cử ngày/<br>Re-elected on<br>14/04/2022                                                                                                                        |                                                                                                                |                  | NNB/<br>Internal<br>person                                                            |

|    |                          |  |                                                     |  |                                                                                                                                                                 |  |  |                            |
|----|--------------------------|--|-----------------------------------------------------|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------------------|
| 3. | Nguyễn Kim Dương<br>Khôi |  | TV HĐQT –<br>Giám đốc//<br>BOD Member –<br>Director |  | Trúng cử TV<br>HĐQT ngày<br><i>Elected as<br/>BOD<br/>Member on</i><br>14/03/2024;<br>Bổ nhiệm GD<br>ngày/<br><i>Appointed as<br/>Director on</i><br>12/08/2024 |  |  | NNB/<br>Internal<br>person |
| 4. | Nguyễn Đức Thành         |  | TV HĐQT/<br>BOD Member                              |  | Trúng cử<br>ngày/ <i>Elected<br/>on</i> 21/03/2025                                                                                                              |  |  | NNB/<br>Internal<br>person |
| 5. | Trương Anh Thư           |  | TV HĐQT/<br>BOD Member                              |  | Trúng cử<br>ngày/ <i>Elected<br/>on</i> 27/03/2026                                                                                                              |  |  | NNB/<br>Internal<br>person |
| 6. | Phạm Thanh Tuấn          |  | Trưởng BKS/<br>Head of the IC                       |  | Trúng cử<br>ngày/ <i>Elected<br/>on</i> 21/03/2025                                                                                                              |  |  | NNB/<br>Internal<br>person |
| 7. | Wu, Kuang-Hui            |  | TV BKS/ IC<br>Member                                |  | Tái cử ngày/<br><i>Re-elected on</i><br>14/04/2022                                                                                                              |  |  | NNB/<br>Internal<br>person |

|     |                          |  |                                                                                                                                                                                      |  |  |                                                                                                     |  |  |                            |
|-----|--------------------------|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------------------|
|     |                          |  |                                                                                                                                                                                      |  |  |                                                                                                     |  |  |                            |
| 8.  | Trương Lý Thế Anh        |  | TV BKS/ IC<br>Member                                                                                                                                                                 |  |  | Tái cử ngày/<br>Re-elected on<br>14/04/2022                                                         |  |  | NNB/<br>Internal<br>person |
| 9.  | Tạ Duy Hoàng             |  | Phó Giám đốc/<br>Deputy Director                                                                                                                                                     |  |  | Bổ nhiệm<br>chức vụ Phó<br>Giám đốc<br>ngày/<br>Appointed as<br>Deputy<br>Director on<br>12/08/2024 |  |  | NNB/<br>Internal<br>person |
| 10. | Nghiêm Thị Thùy<br>Dương |  | KTT/ Chief<br>Accountant                                                                                                                                                             |  |  | Tái bổ nhiệm<br>ngày/ Re-<br>appointed on<br>04/05/2022                                             |  |  | NNB/<br>Internal<br>person |
| 11. | Lưu Phương Uyên          |  | Thư ký HĐQT,<br>Người phụ trách<br>quản trị công ty,<br>Người được ủy<br>quyền CBTT/<br>BOD Secretary<br>and person in<br>charge of<br>corporate<br>governance/Aut<br>horized person |  |  | Bổ nhiệm<br>ngày/<br>Appointed on<br>10/05/2025                                                     |  |  | NNB/<br>Internal<br>person |

|     |                                                                                                                     |  | <i>to disclose<br/>information</i> |                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                              |  |  |  |                                                                         |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------|
| 12. | Công ty TNHH MTV<br>Vận tải biển Ngôi sao<br>Xanh<br><i>Green Star Lines One<br/>Member Limited<br/>Company</i>     |  |                                    | 0200468606<br>Ngày cấp/ <i>Date of<br/>issue:</i> 14/06/2002<br>Nơi cấp/ <i>Place of<br/>issue:</i> Sở<br>KH&ĐTHP/<br>Haiphong<br>Department of<br>Planning and<br>Investment | Số 5 Võ Thị Sáu, phường<br>Ngô Quyền, thành phố Hải<br>Phòng/ <i>No. 5 Vo Thi Sau,<br/>Gia Vien Ward, Ngo Quyen<br/>District, Haiphong city.</i>             |  |  |  | Cùng<br>công ty mẹ/<br><i>Under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 13. | Công ty TNHH MTV<br>trung tâm Logistics<br>Xanh<br><i>Green Logistics<br/>Centre One Member<br/>Company Limited</i> |  |                                    | 0201263312<br>Ngày cấp/ <i>Date of<br/>issue:</i> 16/05/2012<br>Nơi cấp/ <i>Place of<br/>issue:</i> Sở<br>KH&ĐTHP/<br>Haiphong<br>Department of<br>Planning and<br>Investment | Lô đất CN3.2G KCN Đình<br>Vũ, phường Đông Hải,<br>thành phố Hải Phòng/ <i>Lot<br/>CN3.2G, Dinh Vu Industrial<br/>Park, Dong Hai ward,<br/>Haiphong city.</i> |  |  |  | Cùng<br>công ty mẹ/<br><i>Under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 14. | Công ty TNHH MTV<br>Dịch vụ Cảng Xanh<br><i>Greenport Services<br/>One Member Limited<br/>Liability Company</i>     |  |                                    | 0201990244<br>Ngày cấp/ <i>Date of<br/>issue:</i> 01/11/2019<br>Nơi cấp/ <i>Place of<br/>issue:</i> Sở<br>KH&ĐTHP/<br>Haiphong<br>Department of<br>Planning and<br>Investment | Số 1 Ngô Quyền, phường<br>Đông Hải, thành phố Hải<br>Phòng/ <i>No. 1 Ngo Quyen,<br/>Dong Hai ward, Haiphong<br/>city.</i>                                    |  |  |  | Cùng<br>công ty mẹ/<br><i>Under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 15. | Công ty TNHH Cảng<br>Nam Hải Đình Vũ<br><i>Nam Hai Dinh Vu<br/>Port Company<br/>Limited</i>                         |  |                                    | 0201254276<br>Ngày cấp/ <i>Date of<br/>issue:</i> 11/04/2012<br>Nơi cấp/ <i>Place of<br/>issue:</i> Sở                                                                        | Km6 đường Đình Vũ,<br>phường Đông Hải, thành<br>phố Hải Phòng/ <i>Km6 Dinh<br/>Vu street, Dong Hai ward,<br/>Haiphong city.</i>                              |  |  |  | Cùng<br>công ty mẹ/<br><i>Under the<br/>same</i>                        |

|     |                                                                                                                     |  |  |                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                      |  |  |  |                                                                         |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                     |  |  | KH&ĐTHP/<br>Haiphong<br>Department of<br>Planning and<br>Investment                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                      |  |  |  | parent<br>company                                                       |
| 16. | Công ty TNHH MTV<br>Viconship Hồ Chí<br>Minh<br><i>Viconship Ho Chi<br/>Minh Mot Thanh Vien<br/>Company Limited</i> |  |  | 0317513875<br>Ngày cấp/ <i>Date of<br/>issue:</i> 12/10/2022<br>Nơi cấp/ <i>Place of<br/>issue:</i> Sở KH&ĐT<br>TP HCM/ <i>Ho Chi<br/>Minh Department<br/>of Planning and<br/>Investment</i> | Khu A, tầng G, 8 Phường<br>Khắc Khoan, phường Sài<br>Gòn/ <i>Area A, G floor, No. 8<br/>Phung Khac Khoan, Sai<br/>Gon ward, Hochiminh city.</i>                                                                      |  |  |  | Cùng<br>công ty mẹ/<br><i>Under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 17. | Công ty CP Container<br>miền Trung<br><i>Central Container<br/>Joint Stock Company</i>                              |  |  | 0400424349<br>Ngày cấp/ <i>Date of<br/>issue:</i> 13/06/2002<br>Nơi cấp/ <i>Place of<br/>issue:</i> Sở<br>KH&ĐTĐN/<br>Danang<br><i>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i>         | 75 Quang Trung, phường<br>Hải Châu, thành phố Đà<br>Nẵng/ <i>No. 75 Quang Trung,<br/>Hai Chau ward, Danang<br/>city.</i>                                                                                             |  |  |  | Cùng<br>công ty mẹ/<br><i>Under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 18. | Công ty CP Cảng cạn<br>Quảng Bình – Đình<br>Vũ<br><i>ICD Quang Binh –<br/>Dinh Vu Joint Stock<br/>Company</i>       |  |  | 0201973263<br>Ngày cấp/ <i>Date of<br/>issue:</i> 06/07/2019<br>Nơi cấp/ <i>Place of<br/>issue:</i> Sở<br>KH&ĐTHP/<br>Haiphong<br><i>Department of<br/>Planning and<br/>Investment</i>       | Lô CN4.4F + Lô CN4.4G +<br>Lô CN 4.4H, KCN Đình Vũ,<br>phường Đông Hải, thành<br>phố Hải Phòng/ <i>Lot CN4.4F<br/>+ Lot CN4.4G + Lot CN<br/>4.4H, Dinh Vu Industrial<br/>Zone, Dong Hai ward,<br/>Haiphong city.</i> |  |  |  | Cùng<br>công ty mẹ/<br><i>Under the<br/>same<br/>parent<br/>company</i> |
| 19. | Công ty CP VSC<br>Green Logistics                                                                                   |  |  | 0201768923<br>Ngày cấp/ <i>Date of<br/>issue:</i> 24/01/2017                                                                                                                                 | Lô CC2 – khu công nghiệp<br>MP Đình Vũ, phường Đông<br>Hải, thành phố Hải Phòng/<br><i>Lot CC2 – MP Dinh Vu</i>                                                                                                      |  |  |  | Cùng<br>công ty mẹ/                                                     |

|     |                                                                                               |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                            |  |  |  |                                        |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|----------------------------------------|
|     | VSC Green Logistics<br>Joint Stock Company                                                    |  |  | Nơi cấp/ Place of<br>issue: Sở<br>KH&ĐTHP/<br>Haiphong<br>Department of<br>Planning and<br>Investment                                                                                                                                                                 | Industrial Zone, Dong Hai<br>ward, Haiphong city.                                                                                                                          |  |  |  | Under the<br>same<br>parent<br>company |
|     |                                                                                               |  |  | 0200453688<br>Ngày cấp/ Date of<br>issue: 01/04/2002<br>Nơi cấp/ Place of<br>issue: Sở<br>KH&ĐTHP/<br>Haiphong<br>Department of<br>Planning and<br>Investment                                                                                                         |                                                                                                                                                                            |  |  |  |                                        |
| 20. | Công ty CP Container<br>Việt Nam<br>Vietnam Container<br>Shipping Joint Stock<br>Corporation  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                       | Số 11 Võ Thị Sáu, phường<br>Ngô Quyền, thành phố Hải<br>Phòng/ No. 11 Vo Thi Sau,<br>Ngo Quyen ward, Haiphong<br>city.                                                     |  |  |  | Công ty<br>mẹ/<br>Parent<br>Company    |
| 21. | Công ty Evergreen<br>Marine Corp.<br>(Taiwan) Ltd.<br>Evergreen Marine<br>Corp. (Taiwan) Ltd. |  |  | 11337775<br>Ngày cấp/ Date of<br>issue: 19/08/2015<br>Nơi cấp/ Place of<br>issue: Đài Loan/<br>Taiwan                                                                                                                                                                 | 1-4F, No.166, Sec 2,<br>Minsheng E.Rd., Zhongshan<br>Dist, Taipei City 104,<br>Taiwan                                                                                      |  |  |  | Cổ đông<br>lớn/ Major<br>Shareholder   |
| 22. | Công ty Cổ phần<br>Quản lý Quỹ<br>Leadvisors<br>Leadvisors Capital<br>Management JSC          |  |  | Giấy phép thành<br>lập và hoạt động số<br>16/UBCK-<br>GPHĐQLQ ngày<br>29/12/2006/<br>Establishment and<br>Operation License<br>No. 16/UBCK-<br>GPHĐQLQ issued<br>by the State<br>Securities<br>Commission on 29<br>December 2006;<br>Giấy chứng nhận<br>đăng ký doanh | Tầng 25, Tòa nhà<br>Leadvisors Tower, số 643<br>Phạm Văn Đồng, phường<br>Nghĩa Đô, Hà Nội/ Floor 25,<br>Leadvisors Tower, No 643<br>Pham Van Dong, Nghia Do<br>ward, Hanoi |  |  |  | Cổ đông<br>lớn/ Major<br>Shareholder   |

|  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                         |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  | nghiệp số<br>0200725638<br>Ngày cấp/ <i>Date of</i><br><i>issue</i> : 28/12/2006<br>Nơi cấp/ <i>Place of</i><br><i>issue</i> : Sở<br>KH&ĐTHN/<br><i>Hanoi Department</i><br><i>of Planning and</i><br><i>Investment</i> |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|

**DANH SÁCH GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

**THE LIST OF TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS OR BETWEEN THE COMPANY AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS**

*(Kèm theo Báo cáo tình hình quản trị 6 tháng đầu năm 2026/Attached to the Semi-Annual Report of 2026)*

| STT<br>/No | Tên tổ chức/cá nhân<br>Name of<br>organization/individual                                              | Mối quan hệ liên<br>quan với công ty<br>Relationship with<br>the Company | Số Giấy<br>NSH*, ngày<br>cấp, nơi cấp<br>NSH No. *,<br>date of issue,<br>place of issue                                             | Địa chỉ trụ sở<br>chính/<br>Địa chỉ liên hệ<br>Address                                                                                           | Thời<br>điểm giao<br>dịch với<br>công ty<br>Time of<br>transaction<br>s with the<br>Company | Số Nghị<br>quyết/Quyết<br>định của<br>ĐHĐCĐ/HĐQ<br>T thông qua<br>(nếu có, nêu<br>rõ ngày ban<br>hành)<br>Resolution No.<br>or Decision<br>No. approved<br>by General<br>Meeting of<br>Shareholders/<br>Board of<br>Directors<br>(if any,<br>specifying date<br>of issue) | Nội dung, số<br>lượng, tổng giá<br>trị giao dịch/<br>Content, quantity,<br>total value of<br>transaction                                       | Ghi<br>chú/<br>Note |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1          | Công ty TNHH MTV<br>Vận tải biển Ngôi sao<br>Xanh<br>Green Star Lines One<br>Member Limited<br>Company | Cùng Công ty mẹ/<br>Under the same<br>parent company.                    | 0200468606<br>Ngày cấp/ Date<br>of issue:<br>14/06/2002<br>Nơi cấp/ Place<br>of issue: Sở<br>KH&ĐT HP/<br>Haiphong<br>Department of | Số 5 Võ Thị Sáu,<br>phường Ngô<br>Quyền, thành phố<br>Hải Phòng/ No. 5<br>Vo Thi Sau, Gia<br>Vien Ward, Ngo<br>Quyen District,<br>Haiphong city. | 6 tháng<br>đầu năm<br>2026/<br>Semi-<br>annual<br>period of<br>2026                         | Căn cứ Nghị<br>quyết số<br>17/2025/NQ-<br>HĐQT ngày<br>29/12/2025 của<br>HĐQT Công ty<br>Cổ phần Cảng<br>Xanh VIP về<br>việc thông qua<br>chủ trương ký                                                                                                                   | - Cung cấp dịch vụ/<br>Provision of<br>services:<br>228,180,000 VNĐ<br><br>- Mua dịch vụ/<br>Purchase of<br>services:<br>34,489,749,210<br>VNĐ |                     |

|   |                                                                                                |                                                    |                                                                                                                                                 |                                                                                                                                     |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                  |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                                                |                                                    | <i>Planning and Investment</i>                                                                                                                  |                                                                                                                                     |                                                     | kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan trong năm 2026/ Pursuant to Resolution No                                                                                                            |                                                                                                                                  |  |
|   |                                                                                                |                                                    |                                                                                                                                                 |                                                                                                                                     |                                                     | 17/2025/NQ-HĐQT dated December 29, 2025 regarding the approval of the signing and implementing contracts and transactions of the company with related parties in 2026.                                                             |                                                                                                                                  |  |
| 2 | Công ty TNHH MTV trung tâm Logistics Xanh<br>Green Logistics Centre One Member Company Limited | Cùng Công ty mẹ/<br>Under the same parent company. | 0201263312<br>Ngày cấp/ Date of issue:<br>16/05/2012<br>Nơi cấp/ Place of issue: Sở KH&ĐT HP/<br>Haiphong Department of Planning and Investment | Lô đất CN3.2G KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng/ Lot CN3.2G, Dinh Vu Industrial Park, Dong Hai ward, Haiphong city. | 6 tháng đầu năm 2026/<br>Semi-annual period of 2026 | Căn cứ Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025 của HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP về việc thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan trong năm 2026/ Pursuant | - Cung cấp dịch vụ/ Provision of services:<br>1,626,460,000 VNĐ<br><br>- Mua dịch vụ/ Purchase of services:<br>5,421,044,138 VNĐ |  |

|   |                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                             |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                  |  |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                             |                                                            | to Resolution No 17/2025/NQ-HĐQT dated December 29, 2025 regarding the approval of the signing and implementing contracts and transactions of the company with related parties in 2026                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                  |  |
| 3 | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh<br><i>Greenport Services One Member Limited Liability Company</i> | <p>- Cùng Công ty mẹ/<br/><i>Under the same parent company;</i></p> <p>- Ông Tạ Công Thông là Chủ tịch Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh, đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cảng Xanh VIP/<br/><i>Mr. Tạ Công Thông is the Chairman of Greenport Services One Member Limited Liability Company and also served as Chairman of the BOD of VIP Greenport Joint Stock Company.</i></p> | <p>0201990244<br/>Ngày cấp/ <i>Date of issue:</i><br/>01/11/2019<br/>Nơi cấp/ <i>Place of issue:</i> Sở KH&amp;ĐT HP/<br/><i>Haiphong Department of Planning and Investment</i></p> | Số 1 Ngô Quyền, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng/ <i>No. 1 Ngo Quyen, Dong Hai ward, Haiphong city.</i> | 6 tháng đầu năm 2026/<br><i>Semi-annual period of 2026</i> | <p>Căn cứ Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025 của HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP về việc thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan trong năm 2026/ <i>Pursuant to Resolution No 17/2025/NQ-HĐQT dated December 29, 2025 regarding the approval of</i></p> | <p>- Cung cấp dịch vụ/<br/><i>Provision of services:</i><br/>19,648,106,960 VNĐ</p> <p>- Mua dịch vụ/<br/><i>Purchase of services:</i><br/>1,615,408,846 VNĐ</p> |  |



|   |                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                              |                                                                                                                   |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                        |  |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                                         | <p>- Ông Trương Lý Thế Anh là Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh, đồng thời là TV BKS Công ty CP Cảng Xanh VIP/ <i>Mr. Trương Lý Thế Anh is Chief Accountant of Greenport Services One Member Limited Liability Company and also served as IC Member of VIP Greenport Joint Stock Company.</i></p>                                   |                                                                                                                                                                              |                                                                                                                   |                                                                | <p><i>the signing and implementing contracts and transactions of the company with related parties in 2026</i></p>                                                                                                                                                 |                                                                        |  |
| 4 | <p>Công ty CP Container miền Trung<br/><i>Central Container Joint Stock Company</i></p> | <p>- Cùng Công ty mẹ/ <i>Under the same parent company;</i><br/>- Ông Trương Lý Thế Anh là Trưởng BKS Công ty CP Container miền Trung, đồng thời là TV BKS Công ty CP Cảng Xanh VIP/ <i>Mr. Trương Lý Thế Anh is Head of the IC of Central Container Joint Stock Company and also served as IC Member of VIP Greenport Joint Stock Company.</i></p> | <p>0400424349<br/>Ngày cấp/ <i>Date of issue:</i><br/>13/06/2002<br/>Nơi cấp/ <i>Place of issue:</i> Sở KH&amp;ĐTĐN/ <i>Danang Department of Planning and Investment</i></p> | <p>75 Quang Trung, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng/ <i>No. 75 Quang Trung, Hai Chau ward, Danang city.</i></p> | <p>6 tháng đầu năm 2026/ <i>Semi-annual period of 2026</i></p> | <p>Căn cứ Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025 của HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP về việc thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan trong năm 2026/ <i>Pursuant to Resolution No</i></p> | <p>- Mua dịch vụ/ <i>Purchase of services:</i><br/>122,203,704 VNĐ</p> |  |

|   |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                   |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                          |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                   |                                                            | 17/2025/NQ-HĐQT dated December 29, 2025 regarding the approval of the signing and implementing contracts and transactions of the company with related parties in 2026                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                          |  |
| 5 | Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ<br><i>Nam Hai Dinh Vu Port Company Limited</i> | <p>- Cùng Công ty mẹ/<br/><i>Under the same parent company</i></p> <p>- Ông Tạ Công Thông là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ, đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cảng Xanh VIP/<br/><i>Mr. Ta Cong Thong is the Chairman of Members' Council of Nam Hai Dinh Vu Port Company Limited and also served as Chairman of the BOD of VIP Greenport Joint Stock Company;</i></p> <p>- Ông Nguyễn Kim Dương Khôi là Giám đốc Công ty</p> | <p>0201254276</p> <p>Ngày cấp/ <i>Date of issue:</i> 11/04/2012</p> <p>Nơi cấp/ <i>Place of issue:</i> Sở KH&amp;ĐT HP/ <i>Haiphong Department of Planning and Investment</i></p> | Km6 đường Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng/ <i>Km6 Dinh Vu street, Dong Hai ward, Haiphong city.</i> | 6 tháng đầu năm 2026/<br><i>Semi-annual period of 2026</i> | <p>Căn cứ Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025 của HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP về việc thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan trong năm 2026/ <i>Pursuant to Resolution No 17/2025/NQ-HĐQT dated December 29, 2025 regarding the approval of the signing and implementing</i></p> | <p>- Cung cấp dịch vụ/<br/><i>Provision of services:</i> 2,638,429,188 VNĐ</p> <p>- Mua dịch vụ/<br/><i>Purchase of services:</i> 89,736,419,188 VNĐ</p> |  |

|   |                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                              |                                                                                   |                                          |                                                                        |                                                                      |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                               | <p>TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ, đồng thời là TV HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Cảng Xanh VIP/ Mr. Nguyễn Kim Dương Khôi is Director of Nam Hai Dinh Vu Port Company Limited and also served as BOD Member – Director of VIP Greenport Joint Stock Company;</p> <p>- Ông Trương Lý Thế Anh là Kế toán trưởng Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ, đồng thời là TV BKS Công ty CP Cảng Xanh VIP/ Mr. Trương Lý Thế Anh is Chief Accountant of Nam Hai Dinh Vu Port Company Limited and also served as IC Member of VIP Greenport Joint Stock Company.</p> |                                                              |                                                                                   |                                          | contracts and transactions of the company with related parties in 2026 |                                                                      |  |
| 6 | <p>Công ty CP VSC Green Logistics VSC Green Logistics Joint Stock Company</p> | <p>- Cùng Công ty mẹ/ Under the same parent company;</p> <p>- Ông Nguyễn Kim Dương Khôi là TV</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <p>0201768923</p> <p>Ngày cấp/ Date of issue: 24/01/2017</p> | <p>Lô CC2 – khu công nghiệp MP Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng/</p> | <p>6 tháng đầu năm 2026/ Semi-annual</p> | <p>Căn cứ Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025 của</p>        | <p>- Cung cấp dịch vụ/ Provision of services: 14,094,889,456 VNĐ</p> |  |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                              |                                                                            |                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                |  |
|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--|
|  |  | <p>HĐQT Công ty CP VSC Green Logistics, đồng thời là TV HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Cảng Xanh VIP/ Mr. Nguyễn Kim Dương Khôi is BOD Member of VSC Green Logistics Joint Stock Company and also served as BOD Member – Director of VIP Greenport Joint Stock Company;</p> <p>- Bà Nghiêm Thị Thùy Dương là Trưởng BKS Công ty CP VSC Green Logistics, đồng thời là Kế toán trưởng Công ty CP Cảng Xanh VIP/ Mrs. Nghiêm Thị Thùy Dương is Head of the IC of VSC Green Logistics Joint Stock Company and also served as Chief Accountant of VIP Greenport Joint Stock Company.</p> | <p>Nơi cấp/ Place of issue: Sở KH&amp;ĐT/ Haiphong Department of Planning and Investment</p> | <p>Lot CC2 – MP Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai ward, Haiphong city.</p> | <p>period of 2026</p> | <p>HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP về việc thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan trong năm 2026/ Pursuant to Resolution No 17/2025/NQ-HĐQT dated December 29, 2025 regarding the approval of the signing and implementing contracts and transactions of the company with related parties in 2026</p> | <p>- Mua dịch vụ/ Purchase of services: 13,441,950,209 VNĐ</p> |  |
|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--|

|   |                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                   |                                                         |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                   |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"><li>- Cổ đông lớn/<br/><i>Major shareholder;</i></li><li>- Công ty mẹ của Công ty CP Cảng Xanh VIP/ <i>Parent company of VIP Greenport Joint Stock Company;</i></li><li>- Ông Tạ Công Thông là TV HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Container Việt Nam, đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cảng Xanh VIP/ <i>Mr. Tạ Công Thông is BOD Member – CEO of Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation and also served as the Chairman of the BOD of VIP Greenport Joint Stock Company;</i></li><li>- Ông Nguyễn Đức Thành là Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Container Việt Nam, đồng thời là TV HĐQT Công ty CP Cảng Xanh VIP/ <i>Mr. Nguyễn Đức Thành is Deputy CEO of Vietnam</i></li></ul> |                                                                                                                   |                                                         |  | Căn cứ Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025 của HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP về việc thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan trong năm 2026/ <i>Pursuant to Resolution No 17/2025/NQ-HĐQT dated December 29, 2025 regarding the approval of the signing and implementing contracts and transactions of the company with related parties in 2026</i> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Mua dịch vụ/<br/><i>Purchase of services:</i><br/>20,451,374,939 VNĐ</li><li>- Trả cổ tức/<br/><i>Dividend payment:</i><br/>156,406,250,000 VNĐ</li></ul> |  |
| 7 | Công ty CP Container Việt Nam<br><i>Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation</i> | 0200453688<br>Ngày cấp/ <i>Date of issue:</i><br>01/04/2002<br>Nơi cấp/ <i>Place of issue:</i> Sở KH&ĐTHP/ <i>Haiphong Department of Planning and Investment</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Số 11 Võ Thị Sáu, phường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng/ <i>No. 11 Vo Thi Sau, Ngo Quyen ward, Haiphong city.</i> | 6 tháng đầu năm 2026/ <i>Semi-annual period of 2026</i> |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                   |  |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  | <p><i>Container Shipping Joint Stock Corporation and also served as BOD Member of VIP Greenport Joint Stock Company;</i></p> <p>- Bà Trương Anh Thư là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính Công ty CP Container Việt Nam; đồng thời là TV HĐQT Công ty CP Cảng Xanh VIP/ <i>Mrs. Trương Anh Thư is Deputy CEO cum Chief Financial Officer of Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation and also served as BOD Member of VIP Greenport Joint Stock Company.</i></p> <p>- Ông Phạm Thanh Tuấn là Kế toán trưởng Công ty CP Container Việt Nam, đồng thời là Trưởng BKS Công ty CP Cảng Xanh VIP/ <i>Mr. Phạm Thanh Tuấn is Chief Accountant of Vietnam Container</i></p> |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|

|   |                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                             |                                                            |                                                                                                                                                                          |                                                                     |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                                                 | <i>Shipping Joint Stock Corporation and also served as Head of the IC of VIP Greenport Joint Stock Company;</i><br>- Bà Nghiêm Thị Thùy Dương là TV BKS Công ty CP Container Việt Nam; đồng thời là Kế toán trưởng Công ty CP Cảng Xanh VIP/ <i>Mrs. Nghiêm Thị Thùy Dương is IC Member of Vietnam Container Shipping Joint Stock Corporation and also served as Chief Accountant of VIP Greenport Joint Stock Company.</i> |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                             |                                                            |                                                                                                                                                                          |                                                                     |  |
| 8 | Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ<br><i>ICD Quang Binh – Dinh Vu Joint Stock Company</i> | - Cùng công ty mẹ/<br><i>Under the same parent company;</i><br>- Ông Tạ Công Thông là TV HĐQT Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ, đồng thời là Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cảng xanh VIP/ <i>Mr Tạ Công Thông is BOD</i>                                                                                                                                                                                                 | 0201973263<br>Ngày cấp/ <i>Date of issue:</i><br>06/07/2019<br>Nơi cấp/ <i>Place of issue:</i> Sở KH&ĐTHP/ <i>Haiphong Department of Planning and Investment</i> | Lô CN4.4F + Lô CN4.4G + Lô CN 4.4H, KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, thành phố Hải Phòng/ <i>Lot CN4.4F + Lot CN4.4G + Lot CN 4.4H, Dinh Vu Industrial Zone, Dong Hai ward. Haiphong city.</i> | 6 tháng đầu năm 2026/<br><i>Semi-annual period of 2026</i> | Căn cứ Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025 của HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP về việc thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của | - Mua dịch vụ/<br><i>Purchase of services:</i><br>1,380,000,000 VNĐ |  |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                         |  |  |
|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  |  | <p><i>Member of ICD Quang Binh – Dinh Vu Joint Stock Company and also served as the Chairman of the BOD of VIP Greenport Joint Stock Company;</i></p> <p><i>- Ông Trương Lý Thế Anh là TV BKS Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ, đồng thời là TV BKS Công ty CP Cảng xanh VIP/ Mr. Trương Lý Thế Anh is IC Member of ICD Quang Binh – Dinh Vu Joint Stock Company and also served as IC Member of VIP Greenport Joint Stock Company.</i></p> <p><i>- Bà Nghiêm Thị Thùy Dương là TV BKS Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình – Đình Vũ, đồng thời là Kế toán trưởng Công ty CP Cảng xanh VIP/ Mrs. Nghiêm Thị Thùy Dương is IC Member of ICD Quang Binh – Dinh Vu Joint Stock</i></p> |  |  |  | <p>công ty với các bên có liên quan trong năm 2026/ Pursuant to Resolution No 17/2025/NQ-HDQT dated December 29, 2025 regarding the approval of the signing and implementing contracts and transactions of the company with related parties in 2026</p> |  |  |
|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|

|   |                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                       |                                                                                                      |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                         |  |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--|
|   |                                                                                                                                                    | <i>Company and also served as Chief Accountant of VIP Greenport Joint Stock Company.</i>                                                                                                                               |                                                                                                                                                                       |                                                                                                      |                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                         |  |
| 9 | Chi nhánh Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh tại thành phố Hà Nội<br><i>Viconship Ho Chi Minh Mot Thanh Vien Company Limited Ha Noi Branch</i> | Công ty CP Cảng Xanh VIP và Công ty TNHH MTV Viconship Hồ Chí Minh có cùng công ty mẹ/ <i>VIP Greenport Joint Stock Company and Viconship Ho Chi Minh Mot Thanh Vien Company Limited have the same parent company.</i> | 0317513875-001<br>Ngày cấp/<br><i>Date of issue:</i> 21/11/2022<br>Nơi cấp/ <i>Place of issue:</i> Sở KH&ĐT HN/<br><i>Hanoi Department of Planning and Investment</i> | 47 Cửa Đông, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội/ <i>No. 47 Cua Dong, Hoan Kiem ward, Hanoi city.</i> | 6 tháng đầu năm 2026/<br><i>Semi-annual period of 2026</i> | Căn cứ Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025 của HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP về việc thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan trong năm 2026/ <i>Pursuant to Resolution No 17/2025/NQ-HĐQT dated December 29, 2025 regarding the approval of the signing and implementing contracts and transactions of the company with related parties in 2026</i> | - Cung cấp dịch vụ/<br><i>Provision of services:</i><br>365,970,000 VNĐ |  |

|    |                                                                                      |                                |                                                                                              |                                                                              |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                      |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                                      |                                |                                                                                              |                                                                              |                                                  | Căn cứ Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐQT ngày 29/12/2025 của HĐQT Công ty Cổ phần Cảng Xanh VIP về việc thông qua chủ trương ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của công ty với các bên có liên quan trong năm 2026/ Pursuant to Resolution No 17/2025/NQ-HĐQT dated December 29, 2025 regarding the approval of the signing and implementing contracts and transactions of the company with related parties in 2026 | - Cung cấp dịch vụ/ Provision of services: 92,985,466,604VN Đ<br><br>- Mua dịch vụ/ Purchase of services: 8,259,640,500 VNĐ<br><br>- Trả cổ tức/Dividend payment: 62,562,500,000 VNĐ |
| 10 | Công ty Evergreen Marine Corp. (Taiwan) Ltd.<br>Evergreen Marine Corp. (Taiwan) Ltd. | Cổ đông lớn/Major shareholder. | 11337775<br>Ngày cấp/ Date of issue: 19/08/2015<br>Nơi cấp/ Place of issue: Đài Loan/ Taiwan | 1-4F, No.166, Sec 2, Minsheng E.Rd., Zhongshan Dist, Taipei City 104, Taiwan | 6 tháng đầu năm 2026/ Semi-annual period of 2026 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                      |

**DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN (CÁ NHÂN, TỔ CHỨC) ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ/  
THE LIST OF INTERNAL PERSONS AND THEIR AFFILIATED PERSONS**

(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng đầu năm 2026/Attached to the Company's Semi Annual Report of 2026)

| STT/<br>No. | Họ tên/ Name                                                                           | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)/<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có)/ Position at<br>the company (if any) | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp/ ID card<br>No./Passport No., date of issue, place of issue                                           | Địa chỉ liên hệ/ Address                                                                                         | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ/ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ/<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú/ Note                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I           | Tạ Công Thông                                                                          |                                                                                           | Chủ tịch HĐQT/<br>Chairman of BOD                                    |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 1.01        | Nguyễn Nguyệt Nga                                                                      |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Mẹ đẻ/ Mother                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 1.02        | Nguyễn Thị Hoa                                                                         |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Vợ/ Wife                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 1.03        | Tạ Bảo Minh                                                                            |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Con đẻ, còn nhỏ/ Young biological child                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 1.04        | Tạ Bảo Phúc                                                                            |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Con đẻ, còn nhỏ/ Young biological child                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 1.05        | Nguyễn Văn Hoạt                                                                        |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Bố vợ/ Father-in-law                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 1.06        | Công ty CP Container Việt Nam<br>Vietnam Container Shipping Joint<br>Stock Corporation |                                                                                           |                                                                      | 0200453688<br>Ngày cấp/ Date of issue : 01/04/2002<br>Nơi cấp/ Place of issue : Sở KH&ĐT/HP/ Haiphong<br>Department of Planning and Investment | Số 11 Võ Thị Sáu, phường Ngô Quyền,<br>thành phố Hải Phòng/ No. 11 Vo Thi Sau,<br>Ngo Quyen ward, Haiphong city. | 44.687.500                                                                           | 54,15%                                                                                                  | Ông Tạ Công Thông là TV HĐQT - Tổng<br>Giám đốc/ Mr. Tạ Công Thông is BOD<br>Member - CEO<br>Ông Tạ Công Thông là người đại diện<br>quản lý phần vốn, nắm: 22.343.750 cổ<br>phiếu, tương đương 27,175%/ Mr. Tạ<br>Công Thông is the representative<br>managing the capital contribution,<br>holding 22.343.750 shares, equivalent to<br>27,175%. |



| STT/<br>No. | Họ tên/ Name                                                                                        | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)/<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có)/ Position at<br>the company (if any) | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp/ ID card<br>No./Passport No., date of issue, place of issue                                                         | Địa chỉ liên hệ/ Address                                                                                                                                                                         | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ/ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ/<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú/ Note                                                                                   |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.07        | Công ty CP Cảng an Quảng Bình -<br>Đình Vũ<br>JCD Quang Binh - Dinh Vu Joint<br>Stock Company       |                                                                                           |                                                                      | 0201973263<br>Ngày cấp/ Date of issue : 06/07/2019<br>Nơi cấp/ Place of issue : Sở KH&ĐT/Hải Phòng<br>Department of Planning and Investment                  | Lô CN4.4F + Lô CN4.4G + Lô CN 4.4H,<br>KCN Đình Vũ, phường Đồng Hải, thành<br>phố Hải Phòng/ Lot CN4.4F + Lot CN4.4G<br>+ Lot CN 4.4H, Dinh Vu Industrial Zone,<br>Dong Hai ward, Haiphong city. | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Ông Tạ Công Thông là TV HĐQT/ Mr.<br>Ta Cong Thong is BOD Member                                |
| 1.08        | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng<br>Xanh<br>Greenport Services One Member<br>Limited Liability Company |                                                                                           |                                                                      | 0201990244<br>Ngày cấp/ Date of issue : 01/11/2019<br>Nơi cấp/ Place of issue : Sở KH&ĐT/Hải Phòng<br>Department of Planning and Investment                  | Số 1 Ngô Quyền, phường Đồng Hải, thành<br>phố Hải Phòng/ No. 1 Ngo Quyen, Dong<br>Hai ward, Haiphong city.                                                                                       | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Ông Tạ Công Thông là Chủ tịch Công ty/<br>Mr. Ta Cong Thong is Chairman of the<br>company       |
| 1.09        | Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ<br>Hải An<br>Hai An Transport and Stevedoring<br>JSC              |                                                                                           |                                                                      | 0103818809<br>Ngày cấp/ Date of issue : 08/05/2009<br>Nơi cấp/ Place of issue : Sở Kế hoạch và đầu tư Hà Nội/<br>Hanoi Authority for Planning and Investment | Số 45 Triệu Việt Vương, Phường Hai Bà<br>Trung, thành phố Hà Nội, Việt Nam/ No. 45<br>Trieu Viet Vuong, Hai Ba Trung Ward,<br>Hanoi city, Vietnam                                                | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Ông Tạ Công Thông là TV HĐQT/ Mr.<br>Ta Cong Thong is BOD Member                                |
| 1.10        | Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình<br>Vũ<br>Nam Hai Dinh Vu Port Company<br>Limited                     |                                                                                           |                                                                      | 0201254276<br>Ngày cấp/ Date of issue : 11/04/2012<br>Nơi cấp/ Place of issue : Sở KH&ĐT/Hải Phòng<br>Department of Planning and Investment                  | Km6 đường Đình Vũ, phường Đồng Hải,<br>thành phố Hải Phòng/ Km6 Dinh Vu street,<br>Dong Hai ward, Haiphong city.                                                                                 | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Ông Tạ Công Thông là Chủ tịch HĐQT/<br>Mr. Ta Cong Thong is the Chairman of<br>Members' Council |
| 2           | Chang, Yen-I                                                                                        |                                                                                           | TV HĐQT/ BOD<br>Member                                               |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | NNB không cung cấp thông tin NCLQ/internal<br>person don't provide affiliate person information |
| 3           | Nguyễn Kim Dương Khôi                                                                               |                                                                                           | TV HĐQT - Giám<br>Đốc/ BOD Member -<br>Director                      |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       |                                                                                                 |
| 3.01        | Nguyễn Kim Côn                                                                                      |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Bố đẻ/ Father                                                                                   |

| STT/<br>No. | Họ tên/ Name                                                                    | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)/<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có)/ Position at<br>the company (if any) | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp/ ID card<br>No./Passport No., date of issue, place of issue                                           | Địa chỉ liên hệ/ Address                                                                                                                                | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ/ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ/<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú/ Note                                                                       |
|-------------|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 3.02        | Lê Thu Cúc                                                                      |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Me đẻ/ Mother                                                                       |
| 3.03        | Nguyễn Thị Phương Liên                                                          |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Vợ/ Wife                                                                            |
| 3.04        | Nguyễn Kim Khôi Nguyễn                                                          |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Con đẻ, còn nhỏ/ Young biological child                                             |
| 3.05        | Nguyễn Kim Nguyễn Khang                                                         |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Con đẻ, còn nhỏ/ Young biological child                                             |
| 3.06        | Nguyễn Thị Ban Mai                                                              |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Chị ruột/ Sister                                                                    |
| 3.07        | Đặng Đăng Khoa                                                                  |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Anh rể/ Brother-in-law                                                              |
| 3.08        | Nguyễn Huân                                                                     |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Bố vợ/ Father-in-law                                                                |
| 3.09        | Công ty CP VSC Green Logistics<br>VSC Green Logistics Joint Stock<br>Company    |                                                                                           |                                                                      | 0201768923<br>Ngày cấp/ Date of issue : 24/01/2017<br>Nơi cấp/ Place of issue : Sở KH&ĐT HP/ Haiphong<br>Department of Planning and Investment | Lô CC2 – khu công nghiệp MP Đình Vũ,<br>phường Đồng Hải, thành phố Hải Phòng/<br>Lot CC2 – MP Đình Vũ Industrial Zone,<br>Dong Hai ward, Haiphong city. | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Ông Nguyễn Kim Dương Khôi là TV<br>HĐQT/ Mr. Nguyễn Kim Dương Khôi is<br>BOD Member |
| 3.10        | Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình<br>Vũ<br>Nam Hai Dinh Vu Port Company<br>Limited |                                                                                           |                                                                      | 0201254276<br>Ngày cấp/ Date of issue : 11/04/2012<br>Nơi cấp/ Place of issue : Sở KH&ĐT HP/ Haiphong<br>Department of Planning and Investment | Km6 đường Đình Vũ, phường Đồng Hải,<br>thành phố Hải Phòng/ Km6 Đình Vũ street,<br>Dong Hai ward, Haiphong city.                                        | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Ông Nguyễn Kim Dương Khôi là Giám<br>đốc/ Mr. Nguyễn Kim Dương Khôi is<br>Director  |
| 4           | Nguyễn Đức Thành                                                                |                                                                                           | TV HĐQT/ BOD<br>Member                                               |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                                       |                                                                                     |

| STT/<br>No. | Họ tên/ Name                                                                           | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)/<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có)/ Position at<br>the company (if any) | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp/ ID card<br>No./Passport No., date of issue, place of issue                                           | Địa chỉ liên hệ/ Address                                                                                         | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ/ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ/<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú/ Note                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4.01        | Nguyễn Đức Bôn                                                                         |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Bố đẻ/ Father                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 4.02        | Cao Thị Thu Hương                                                                      |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Mẹ đẻ/ Mother                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 4.03        | Nguyễn Đức Trí                                                                         |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Em ruột/ Brother                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 4.04        | Nguyễn Đức Hoàng                                                                       |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Con đẻ, còn nhỏ/ Young biological child                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 4.05        | Nguyễn Bảo Nghi                                                                        |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Con đẻ, còn nhỏ/ Young biological child                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 4.06        | Công ty CP Container Việt Nam<br>Vietnam Container Shipping Joint<br>Stock Corporation |                                                                                           |                                                                      | 0200453688<br>Ngày cấp/ Date of issue : 01/04/2002<br>Nơi cấp/ Place of issue : Sở KH&ĐT HP/ Haiphong<br>Department of Planning and Investment | Số 11 Võ Thị Sáu, phường Ngô Quyền,<br>thành phố Hải Phòng/ No. 11 Vo Thi Sau,<br>Ngo Quyen ward, Haiphong city. | 44.687.500                                                                           | 54.35%                                                                                                  | Ông Nguyễn Đức Thành là Phó Tổng<br>Giám đốc/ Mr. Nguyễn Đức Thành is<br>Deputy CEO<br>Ông Nguyễn Đức Thành là người đại diện<br>quản lý phần vốn, nắm: 22.343.750 cổ<br>phiếu, tương đương 27,175% Mr.<br>Nguyễn Đức Thành is the representative<br>managing the capital contribution,<br>holding 22.343.750 shares, equivalent to<br>27,175% |
| 5           | Trương Anh Thư                                                                         |                                                                                           | TV HĐQT/ BOD<br>Member                                               |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

| STT/<br>No. | Họ tên/ Name                                                                           | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)/<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có)/ Position at<br>the company (if any) | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp/ ID card<br>No./Passport No., date of issue, place of issue                                             | Địa chỉ liên hệ/ Address                                                                                         | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ/ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ/<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú/ Note                                                                                                                          |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5.01        | Trương Văn Toại                                                                        |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                  |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Bố đẻ/ Father                                                                                                                          |
| 5.02        | Nguyễn Thị Phương Oanh                                                                 |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                  |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Mẹ đẻ/ Mother                                                                                                                          |
| 5.03        | Trương Khánh Chi                                                                       |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                  |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Em ruột/ Sister                                                                                                                        |
| 5.04        | Công ty CP Container Việt Nam<br>Vietnam Container Shipping Joint<br>Stock Corporation |                                                                                           |                                                                      | 0200453688<br>Ngày cấp/ Date of issue : 01/04/2002<br>Nơi cấp/ Place of issue : Sở KH&ĐT/ HPH/ Halphong<br>Department of Planning and Investment | Số 11 Võ Thị Sáu, phường Ngô Quyền,<br>thành phố Hải Phòng/ No. 11 Vo Thi Sau,<br>Ngo Quyen ward, Haiphong city. | 44.687.500                                                                           | 54,35%                                                                                                  | Bà Trương Anh Thư là Phó Tổng Giám<br>đốc kiêm Giám đốc tài chính / Ms.<br>Truong Anh Thu is Deputy CEO cum<br>Chief Financial Officer |
| 6           | Phạm Thanh Tuấn                                                                        |                                                                                           | Trưởng Ban kiểm<br>soát/ Head of the<br>Inspection Committee         |                                                                                                                                                  |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       |                                                                                                                                        |
| 6.01        | Phạm Trung Dân                                                                         |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                  |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Bố đẻ/ Father                                                                                                                          |
| 6.02        | Bùi Thị Sáu                                                                            |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                  |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Mẹ đẻ/ Mother                                                                                                                          |
| 6.03        | Phạm Tân Thanh                                                                         |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                  |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Bố vợ/ Father-in-law                                                                                                                   |
| 6.04        | Mai Thị Hà                                                                             |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                  |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Mẹ vợ/ Mother-in-law                                                                                                                   |

| STT/<br>No. | Họ tên/ Name                                                                           | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)/<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có)/ Position at<br>the company (if any) | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp/ ID card<br>No./Passport No., date of issue, place of issue                                           | Địa chỉ liên hệ/ Address                                                                                         | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ/ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ/<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú/ Note                                                                        |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 6.05        | Phạm Thị Xuân Hoàn                                                                     |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Vợ/ Wife                                                                             |
| 6.06        | Phạm Thị Tú                                                                            |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Em ruột/ Sister                                                                      |
| 6.07        | Phạm Thanh Thảo                                                                        |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Con đẻ/ Biological child                                                             |
| 6.08        | Phạm Trung Hiếu                                                                        |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Con đẻ, còn nhỏ/ Young biological child                                              |
| 6.09        | Phạm Thanh Xuân                                                                        |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Con đẻ, còn nhỏ/ Young biological child                                              |
| 6.10        | Công ty CP Container Việt Nam<br>Vietnam Container Shipping Joint<br>Stock Corporation |                                                                                           |                                                                      | 0200453688<br>Ngày cấp/ Date of issue : 01/04/2002<br>Nơi cấp/ Place of issue : Sở KH&ĐT HP/ Haiphong<br>Department of Planning and Investment | Số 11 Võ Thị Sáu, phường Ngô Quyền,<br>thành phố Hải Phòng/ No. 11 Vo Thi Sau,<br>Ngo Quyen ward, Haiphong city. | 44.687.500                                                                           | 54.35%                                                                                                  | Ông Phạm Thanh Tuấn là Kế toán trưởng/<br>Mr. Phạm Thanh Tuấn is Chief<br>Accountant |
| 7           | Trương Lý Thế Anh                                                                      |                                                                                           | TV Ban kiểm soát/<br>Inspection<br>Committee Member                  | 031078014827<br>Ngày cấp/ Date of issue: 22/12/2021<br>Nơi cấp/ Place of issue : Cục Cảnh sát / Police Department                              | 18/57/191 đường Đà Nẵng, Ngô Quyền,<br>Hải Phòng/ No. 18/57/191 Da Nang Street,<br>Ngo Quyen, Haiphong.          | 0                                                                                    | 0                                                                                                       |                                                                                      |
| 7.01        | Trương Minh Nhâm                                                                       |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Bố đẻ/ Father                                                                        |
| 7.02        | Lý Nguyệt Kết                                                                          |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Mẹ đẻ/ Mother                                                                        |
| 7.03        | Nguyễn Thị Cải                                                                         |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Mẹ vợ/ Mother-in-law                                                                 |

| STT/<br>No. | Họ tên/ Name                                                                                     | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)/<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có)/ Position at<br>the company (if any) | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp/ ID card<br>No./Passport No., date of issue, place of issue                                         | Địa chỉ liên hệ/ Address                                                                                                                                                                         | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ/ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ/<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú/ Note                                                                                    |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7.04        | Phạm Thị Thủy                                                                                    |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Vợ/ Wife                                                                                         |
| 7.05        | Trương Phúc Minh Hoàng                                                                           |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Con đẻ/ Biological child                                                                         |
| 7.06        | Trương Phúc Tuệ Minh                                                                             |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Con đẻ, còn nhỏ/ Young biological child                                                          |
| 7.07        | Trương Lý Tuấn Anh                                                                               |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Anh ruột/ Brother                                                                                |
| 7.08        | Nguyễn Thị Thủy                                                                                  |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Chị dâu/ Sister-in-law                                                                           |
| 7.09        | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cảng Xanh<br>Greenport Services One Member<br>Limited Liability Company |                                                                                           |                                                                      | 0201990244<br>Ngày cấp/ Date of issue: 01/11/2019<br>Nơi cấp/ Place of issue: Sở KH&ĐT HP/ Haiphong<br>Department of Planning and Investment | Số 1 Ngô Quyền, phường Đồng Hải, thành<br>phố Hải Phòng/ No. 1 Ngo Quyen, Dong<br>Hai ward, Haiphong city.                                                                                       | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Ông Trương Lý Thế Anh là Kế toán<br>trưởng/ Mr. Trương Lý Thế Anh is Chief<br>Accountant         |
| 7.10        | Công ty CP Container Miền Trung<br>Central Container Joint Stock<br>Company                      |                                                                                           |                                                                      | 0400424349<br>Ngày cấp/ Date of issue: 13/06/2002<br>Nơi cấp/ Place of issue: Sở KH&ĐT DN/ Danang<br>Department of Planning and Investment   | 75 Quang Trung, phường Hải Châu, thành<br>phố Đà Nẵng/ No. 75 Quang Trung, Hai<br>Chau ward, Danang city.                                                                                        | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Ông Trương Lý Thế Anh là Trưởng BKS/<br>Mr. Trương Lý Thế Anh is Head of<br>Inspection Committee |
| 7.11        | Công ty CP Cảng cá Quảng Bình -<br>Đình Vũ<br>ICD Quang Binh - Dinh Vu Joint<br>Stock Company    |                                                                                           |                                                                      | 0201973263<br>Ngày cấp/ Date of issue: 06/07/2019<br>Nơi cấp/ Place of issue: Sở KH&ĐT HP/ Haiphong<br>Department of Planning and Investment | Lô CN4.4F + Lô CN4.4G + Lô CN 4.4H,<br>KCN Đình Vũ, phường Đồng Hải, thành<br>phố Hải Phòng/ Lot CN4.4F + Lot CN4.4G<br>+ Lot CN 4.4H, Dinh Vu Industrial Zone,<br>Dong Hai ward, Haiphong city. | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Ông Trương Lý Thế Anh là TV BKS/ Mr.<br>Trương Lý Thế Anh is Inspection<br>Committee Member      |
| 7.12        | Công ty TNHH Cảng Nam Hải Đình Vũ<br>Nam Hai Dinh Vu Port Company<br>Limited                     |                                                                                           |                                                                      | 0201254276<br>Ngày cấp/ Date of issue: 11/04/2012<br>Nơi cấp/ Place of issue: Sở KH&ĐT HP/ Haiphong<br>Department of Planning and Investment | Km6 đường Đình Vũ, phường Đồng Hải,<br>thành phố Hải Phòng/ Km6 Dinh Vu street,<br>Dong Hai ward, Haiphong city.                                                                                 | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Ông Trương Lý Thế Anh là Kế toán<br>trưởng/ Mr. Trương Lý Thế Anh is Chief<br>Accountant         |

| STT/<br>No. | Họ tên/ Name         | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)/<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có)/ Position at<br>the company (if any) | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp/ ID card<br>No./Passport No., date of issue, place of issue | Địa chỉ liên hệ/ Address | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ/ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ/<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú/ Note                                                                                   |
|-------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8           | Wu, Kuang - Hui      |                                                                                           | TV Ban kiểm soát/<br>Inspection<br>Committee Member                  |                                                                                                      |                          | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | NNB không cung cấp thông tin NCLQ/Internal<br>person don't provide affiliate person information |
| 9           | Tạ Duy Hoàng         |                                                                                           | Phó Giám đốc/<br>Deputy Director                                     |                                                                                                      |                          | 0                                                                                    | 0                                                                                                       |                                                                                                 |
| 9.01        | Trần Thị Hương Giang |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                      |                          | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Vợ/ Wife                                                                                        |
| 9.02        | Tạ Gia Hưng          |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                      |                          | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Con đẻ/ Biological child                                                                        |
| 9.03        | Tạ Gia Nhi           |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                      |                          | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Con đẻ, còn nhỏ/ Young biological child                                                         |
| 9.04        | Tạ Văn Hồ            |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                      |                          | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Bố đẻ/ Father                                                                                   |
| 9.05        | Đỗ Thanh Đan         |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                      |                          | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Mẹ đẻ/ Mother                                                                                   |
| 9.06        | Trần Du Nam          |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                      |                          | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Bố vợ/ Father-in-law                                                                            |
| 9.07        | Nguyễn Thị Thục      |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                      |                          | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Mẹ vợ/ Mother-in-law                                                                            |
| 9.08        | Tạ Thu Hương         |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                      |                          | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Chị ruột/ Sister                                                                                |

| STT/<br>No. | Họ tên/ Name                                                                           | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)/<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có)/ Position at<br>the company (if any) | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp/ ID card<br>No./Passport No., date of issue, place of issue                                           | Địa chỉ liên hệ/ Address                                                                                                                                | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ/ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ/<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú/ Note                                                                                            |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9.09        | Tạ Thuý Hoàn                                                                           |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Chị ruột/ Sister                                                                                         |
| 10          | Nghiêm Thị Thủy Dương                                                                  |                                                                                           | Kế toán trưởng/<br>Chief Accountant                                  |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                                       |                                                                                                          |
| 10.01       | Nguyễn Thị Loan                                                                        |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Mẹ đẻ/ Mother                                                                                            |
| 10.02       | Trần Vũ Hậu                                                                            |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Chồng/ Husband                                                                                           |
| 10.03       | Trần Tùng Dũng                                                                         |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Con đẻ, còn nhỏ/ Young biological child                                                                  |
| 10.04       | Trần Thạc Hương                                                                        |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Con đẻ, còn nhỏ/ Young biological child                                                                  |
| 10.05       | Nghiêm Thị Ngọc Vân                                                                    |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Chị ruột/ Sister                                                                                         |
| 10.06       | Nguyễn Đức Thành                                                                       |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Anh rể/ Brother-in-law                                                                                   |
| 10.07       | Vũ Thị Mai                                                                             |                                                                                           |                                                                      |                                                                                                                                                |                                                                                                                                                         | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Mẹ chồng/ Mother-in-law                                                                                  |
| 10.08       | Công ty CP VSC Green Logistics<br>VSC Green Logistics Joint Stock<br>Company           |                                                                                           |                                                                      | 0201768923<br>Ngày cấp/ Date of issue : 24/01/2017<br>Nơi cấp/ Place of issue : Sở KH&ĐT HP/ Haiphong<br>Department of Planning and Investment | Lô CC2 – khu công nghiệp MP Đình Vũ,<br>phường Đồng Hải, thành phố Hải Phòng/<br>Lot CC2 – MP Đình Vũ Industrial Zone,<br>Dong Hai ward, Haiphong city. | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Bà Nghiêm Thị Thủy Dương là Trưởng<br>BKS/ Mrs. Nghiêm Thị Thủy Dương is<br>Head of Inspection Committee |
| 10.09       | Công ty CP Container Việt Nam<br>Vietnam Container Shipping Joint<br>Stock Corporation |                                                                                           |                                                                      | 0200453688<br>Ngày cấp/ Date of issue : 01/04/2002<br>Nơi cấp/ Place of issue : Sở KH&ĐT HP/ Haiphong<br>Department of Planning and Investment | Số 11 Võ Thị Sáu, phường Ngô Quyền,<br>thành phố Hải Phòng/ No. 11 Vo Thi Sau,<br>Ngo Quyen ward, Haiphong city.                                        | 44.687.500                                                                           | 54.35%                                                                                                  | Bà Nghiêm Thị Thủy Dương là TV BKS/<br>Mrs. Nghiêm Thị Thủy Dương is<br>Inspection Committee Member      |

| STT/<br>No. | Họ tên/ Name                                                                                   | Tài khoản giao dịch<br>chứng khoán (nếu<br>có)/<br>Securities trading<br>account (if any) | Chức vụ tại công ty<br>(nếu có)/ Position at<br>the company (if any)                                                                                                                                         | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp/ ID card<br>No./Passport No., date of issue, place of issue                                          | Địa chỉ liên hệ/ Address                                                                                                                                                                         | Số cổ phiếu sở hữu<br>cuối kỳ/ Number of<br>shares owned at the<br>end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ<br>phiếu cuối kỳ/<br>Percentage of<br>share<br>ownership at<br>the end of the<br>period | Ghi chú/ Note                                                                                       |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10.10       | Công ty CP Cảng cạn Quảng Bình -<br>Đình Vũ<br>JCD Quang Binh - Dinh Vu Joint<br>Stock Company |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                              | 0201973263<br>Ngày cấp/ Date of issue : 06/07/2019<br>Nơi cấp/ Place of issue : Sở KH&ĐTHP/ Haiphong<br>Department of Planning and Investment | Lô CN4.4F + Lô CN4.4G + Lô CN 4.4H,<br>KCN Đình Vũ, phường Đồng Hải, thành<br>phố Hải Phòng/ Lot CN4.4F + Lot CN4.4G<br>+ Lot CN 4.4H, Dinh Vu Industrial Zone,<br>Dong Hai ward, Haiphong city. | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Bà Nguyễn Thị Thủy Dương là TV BKS/<br>Mrs. Nguyễn Thị Thủy Dương is<br>Inspection Committee Member |
| 11          | Lưu Phương Uyên                                                                                |                                                                                           | Thư ký HĐQT,<br>Người phụ trách<br>quản trị Công ty,<br>Người được uỷ<br>quyền CBTT/ BOD<br>Secretary and person<br>in charge of<br>corporate<br>governance/Authorize<br>d person to disclose<br>information |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       |                                                                                                     |
| 11.01       | Nguyễn Thanh Hằng                                                                              |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Mẹ đẻ/ Mother                                                                                       |
| 11.02       | Lưu Tuệ Đăng                                                                                   |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Anh ruột/ Brother                                                                                   |
| 11.03       | Nguyễn Hồng Nhung                                                                              |                                                                                           |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                  | 0                                                                                    | 0                                                                                                       | Chị dâu/ Sister-in-law                                                                              |